

Bản án số: 11/2018/HS-PT

Ngày: 02-02-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Đức.

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Luông;

Bà Lưu Thị Mỹ Hương.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Nữ – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 01 và ngày 02 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 198/2018/TLPT-HS ngày 05 tháng 12 năm 2017 đối với bị cáo Bùi Quang V do có kháng cáo của ông Nguyễn Văn T là người đại diện ủy quyền của bà Lê Thị T, bà Lê Kim L, ông Lê Thanh S, bà Lê Kim L1 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 153/2017/HS-ST ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương.

- *Họ và tên bị cáo không kháng cáo:* **Bùi Quang V**, sinh năm 1985 tại tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: Ấp P, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn N, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1946; có vợ là Đỗ Thị Kiều N, sinh năm 1983 và có 02 người con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 06/3/2017, có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn kháng cáo:* Bà Lê Thị T (vợ của bị hại), sinh năm 1958; bà Lê Kim L (con ruột của bị hại), sinh năm 1981; ông Lê Thanh S (con ruột của bị hại), sinh năm 1985, cùng nơi cư trú: khu phố 3B, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương; bà Lê Kim L1 (con ruột của bị hại), sinh năm 1983, nơi cư trú: Ấp 4, xã N, huyện C, tỉnh Bình Phước. Bà T, bà L, ông S và bà L1 ủy quyền cho ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1955, nơi cư trú: Ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước, (theo văn bản ủy quyền ngày 17/01/2018) có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người đại diện hợp pháp của bị hại:* Ông Nguyễn Tiến D là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bình Dương, có đơn xin vắng mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại không có đơn kháng cáo:* Ông Lê Thanh P (con ruột người bị hại), sinh năm 1979; nơi cư trú: Khu phố 3B, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Ông P ủy quyền cho ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1955, nơi cư trú: Ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước (theo văn bản ủy quyền ngày 17/01/2018), có mặt.

- *Bị đơn dân sự:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn H (Công ty TNHH H); địa chỉ trụ sở: Đường N, tổ 11, khu phố P, phường P, thị xã B, tỉnh Bình Phước. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phùng Phú M, chức vụ: Giám đốc. Ông M ủy quyền cho bà Lý Ngọc T, sinh năm 1983, nơi cư trú: Ấp N, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước (theo văn bản ủy quyền ngày 05/9/2017), có mặt.

Trong vụ án còn có 01 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do không có kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng giữa tháng 5/2016, Bùi Quang V đến lái xe thuê cho Công ty TNHH H. Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 05/3/2017, V điều khiển xe ô tô đầu kéo biển số 93C – 063.70 kéo rơ moóc biển số 93R – 002.59 từ Công ty TNHH H đến nhà máy xi măng H1 tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước nhận hàng (linker) để chở đến thị xã T, tỉnh Bình Dương giao cho khách hàng.

Khoảng 03 giờ 30 phút ngày 06/3/2017, V điều khiển xe ô tô đầu kéo biển số 93C – 063.70 – rơ moóc biển số 93R – 002.59 lưu thông trên Quốc lộ 13 theo hướng từ thị xã B đến ngã tư S. Khi đi đến khu vực ngã tư giao nhau trên Quốc lộ 13 thuộc khu phố 3B, phường T, thị xã B, do không làm chủ tốc độ, V điều khiển xe lấn sang làn đường dành cho xe mô tô, leo lên lề đường rồi đâm vào nhà ông Lê Văn K, hậu quả làm ông K chết và gây thiệt hại nghiêm trọng về tài sản của gia đình ông K. Sau đó, Bùi Quang V đến Công an đầu thú.

Theo Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 06/3/2017, xác định: Nơi xảy ra tai nạn giao thông là đoạn đường Quốc lộ 13, được phân tuyến ngã tư giao nhau với đường phụ, có tín hiệu đèn giao thông thuộc khu phố 3B, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

- Chọn lề phải hướng về ngã tư S làm lề chuẩn (hướng xe ô tô đầu kéo biển số 93C – 063.70 lưu thông).

- Nạn nhân Lê Văn K nằm trước đầu xe ô tô đầu kéo biển số 93C – 063.70 đã được gia đình đưa ra khỏi hiện trường.

- Xe ô tô đầu kéo biển số 93C – 063.70 kéo rơ moóc biển số 93R – 002.59 dừng lại trong nhà của nạn nhân. Đầu xe quay xéo vào lề phải theo hướng xe lưu

thông. Trục trước bên trái cách lề phải 6,20m, trục sau cùng bên trái cách lề phải 1,60m.

- Xe ô tô đầu kéo biển số 93C – 063.70 để lại 01 vết phanh trên mặt đường dài 48,10m, đầu vết phanh cách trụ đèn tín hiệu giao thông là 6,10m, cuối vết phanh cách lề phải là 3,80m.

Theo Kết luận Giám định pháp y tử thi số 198/PC54 - GDPY ngày 14/3/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Nguyên nhân chết của ông Lê Văn K là do đa chấn thương, choáng mất máu không hồi phục.

Theo Kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng thị xã B ngày 10/7/2017 kết luận: Tổng cộng các tài sản bị hư hỏng là 263.649.970 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 153/2017/HS-ST ngày 27/10/2017 của Tòa án nhân dân thị xã B đã quyết định:

Về hình phạt: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 202; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009: Xử phạt bị cáo Bùi Quang V 42 (bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/3/2017.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc Công ty TNHH H phải bồi thường cho bà Lê Thị T, Ông Lê Thanh P, bà Lê Kim L, bà Lê Kim L1 và ông Lê Thanh S số tiền 500.049.970 đồng (năm trăm triệu không trăm bốn mươi chín nghìn chín trăm bảy mươi đồng).

Ngoài ra, cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/11/2017, ông Nguyễn Văn T là người đại diện theo ủy quyền cho bà Lê Thị T, bà Lê Kim L, bà Lê Kim L1, ông Lê Thanh S kháng cáo yêu cầu tăng mức hình phạt đối với bị cáo và xem xét bồi thường thiệt hại thực tế (xây dựng lại nhà, mua sắm lại các vật dụng bị thiệt hại, bồi thường thiệt hại về tinh thần và bồi thường do mất thu nhập thực tế), đơn kháng cáo trong hạn luật định.

Ngày 22/11/2017 ông Nguyễn Văn T đại diện theo ủy quyền cho bà Lê Thị T, bà Lê Kim L, bà Lê Kim L1, ông Lê Thanh S kháng cáo bổ sung yêu cầu xác minh làm rõ về hành vi gây tai nạn của bị cáo để xác định khung hình phạt và phân bồi thường thiệt hại.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm giải quyết đối với vụ án: Xác định tội danh, điều luật Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và áp dụng đối với bị cáo Bùi Quang V là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Ngày 06/11/2017, ông Nguyễn Văn T đại diện theo ủy quyền cho bà Lê Thị T, bà Lê Kim L, bà Lê Kim L1, ông Lê Thanh S kháng cáo yêu cầu tăng mức hình phạt đối với bị cáo V và xem xét bồi thường thiệt hại thực tế (xây dựng lại nhà, mua sắm lại các vật dụng bị thiệt hại, bồi thường thiệt hại về tinh thần và bồi thường do mất

thu nhập thực tế). Về hình phạt: Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 202 và các tình tiết giảm nhẹ tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo V 03 năm 06 tháng tù là phù hợp với quy định của pháp luật. Về trách nhiệm dân sự: Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Điều 591 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, chấp nhận một phần yêu cầu của người đại diện hợp pháp của người bị hại, buộc Công ty TNHH H phải bồi thường cho bà Lê Thị T, Ông Lê Thanh P, bà Lê Kim L, bà Lê Kim L1 và ông Lê Thanh S số tiền 500.049.970 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bà L, bà L1, ông S, Bà T là ông Nguyễn Văn T. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Đại diện ủy quyền của Bà T, bà L, ông S, bà L1 là ông Nguyễn Văn T trình bày: Bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên yêu cầu tăng mức hình phạt cao nhất khung hình phạt cho bị cáo và xem xét bồi thường thiệt hại thực tế bao gồm: Chi phí mai táng 305.900.000 đồng, chi phí dọn dẹp vệ sinh 4.800.000 đồng; thiệt hại tài sản 682.230.000 đồng, thiệt hại thu nhập bị mất là 820.000.000 đồng, bù đắp thiệt hại tổn thất về tinh thần, thiệt hại do không làm việc được là 1.000.000.000 đồng, thiệt hại do thu nhập bị mất của cửa hàng điện thoại 143.100.000 đồng và thiệt hại do mất thu nhập kinh doanh ăn uống, giải khát 270.000.000 đồng, tổng cộng số tiền 3.226.000.000 đồng.

Bị cáo Bùi Quang V trình bày: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T là người đại diện theo ủy quyền của Bà T, bà L, bà L1, ông S. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện ủy quyền của Công ty TNHH H trình bày: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T là người đại diện theo ủy quyền của Bà T, bà L, bà L1, ông S. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Khoảng 03 giờ 30 phút ngày 06/3/2017, Bùi Quang V điều khiển xe ô tô đầu kéo biển số 93C – 063.70 kéo rơ moóc biển số 93R – 002.59 lưu thông trên đường Quốc lộ 13 theo hướng từ B đi ngã tư S, khi đi đến khu vực ngã tư giao nhau trên Quốc lộ 13 thuộc khu phố 3B, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương, do tránh né người đi đường, do không làm chủ tốc độ nên bị cáo V điều khiển xe lấn sang làn đường dành cho xe mô tô, leo lên lề đường và đâm vào nhà ông Lê Văn K, gây hậu quả làm ông K chết và thiệt hại về tài sản của gia đình ông K với tổng giá trị là 263.649.970 đồng.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai của những người tham gia tố tụng trong quá trình điều tra, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám nghiệm phương tiện, biên bản kiểm kê tài sản và các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án. Theo quy định tại khoản 1 Điều 202 của Bộ luật Hình

sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 quy định: *Người nào điều khiển phương tiện giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thương đường bộ gây thiệt hại cho tính mạng hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng cho sức khỏe, tài sản của người khác, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến năm năm*”, khoản 2 Điều 202 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 quy định “*Phạm tội thuộc trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm*”; điểm đ “*Gây hậu quả rất nghiêm trọng*”. Hành vi phạm tội của bị cáo V gây hậu quả làm một người chết và gây thiệt hại rất lớn về tài sản (263.649.970 đồng) nên phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết định khung hình phạt tại điểm đ khoản 2 Điều 202 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 là: “*Gây hậu quả rất nghiêm trọng*”. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo V phạm tội: “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo điểm đ khoản 2 Điều 202 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2] Đối với kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt: Đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu tăng hình phạt nặng nhất của khung hình phạt đối với bị cáo V vì bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và sau khi phạm tội đã đến cơ quan Công an đầu thú; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có hoàn cảnh khó khăn. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Đồng thời, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo V 03 năm 06 tháng tù là phù hợp nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo tăng hình phạt đối với bị cáo V.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của người bị hại là ông Nguyễn Văn T yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho người bị hại tổng cộng số tiền 3.226.000.000 đồng; trong đó: Chi phí mai táng 305.900.000 đồng, chi phí dọn dẹp vệ sinh 4.800.000 đồng; thiệt hại tài sản 682.230.000 đồng, thiệt hại thu nhập bị mất là 820.000.000 đồng, thiệt hại tổn thất về tinh thần, thiệt hại do không làm việc được là 1.000.000.000 đồng, thiệt hại do thu nhập bị mất của cửa hàng điện thoại 143.100.000 đồng và thiệt hại do mất thu nhập kinh doanh ăn uống, giải khát 270.000.000 đồng.

Xét thấy, về yêu cầu bồi thường tổn thất về tinh thần, thiệt hại do không làm việc được là 1.000.000.000 đồng, yêu cầu bồi thường chi phí mai táng số tiền 305.900.000 đồng. Theo quy định tại Điều 591 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì thiệt hại do tính mạng bị xâm phạm bao gồm: “*Chi phí hợp lý cho việc mai táng và khoản tiền để bù đắp tổn thất về tinh thần cho hàng thừa kế thứ nhất nhưng không quá 100 lần mức lương cơ sở*”. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường của người đại diện hợp

pháp cho người bị hại về chi phí cho việc mai táng, gồm các khoản: tiền mua quan tài 80.000.000 đồng; tiền mua huyệt mộ 43.000.000 đồng; tiền mua hương, nến 2.400.000 đồng; tiền thuê xe tang 11.000.000 đồng và khoản tiền để bù đắp tổn thất về tinh thần cho hàng thừa kế thứ nhất là 100.000.000 đồng, tổng cộng là 236.400.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của đại diện ủy quyền của người đại diện hợp pháp cho bị hại.

Về yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản: Bao gồm các chi phí xây dựng lại nhà, mua sắm lại các vật dụng bị thiệt hại với tổng số tiền 682.230.000 đồng. Tại phiên tòa người đại diện ủy quyền của người đại diện hợp pháp cho bị hại đồng ý với biên bản kiểm kê tài sản nhưng không đồng ý với giá tài sản bị thiệt hại như kết luận của Hội đồng định giá trong tố tụng thị xã B ngày 10/7/017. Hội đồng xét xử xét thấy: Kết luận về giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng thị xã B đã căn cứ vào các quy định hiện hành của Nhà nước về giá tài sản tại thời điểm định giá có khấu hao giá trị sử dụng là đúng pháp luật. Vì vậy, theo quy định tại Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015, có căn cứ để xác định tổng thiệt hại về tài sản của bị hại là 263.649.970 đồng như kết luận của Hội đồng định giá. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản với số tiền 263.649.970 đồng là có căn cứ đúng quy định của pháp luật nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người đại diện ủy quyền của người đại diện hợp pháp cho bị hại.

Đối với các yêu cầu bồi thường thiệt hại khác: Thiệt hại thu nhập bị mất là 820.000.000 đồng, thiệt hại do không làm việc được là 1.000.000.000 đồng, thiệt hại do thu nhập bị mất của cửa hàng điện thoại 143.100.000 đồng và thiệt hại do mất thu nhập kinh doanh ăn uống, giải khát 270.000.000 đồng. Các yêu cầu này không phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Đối với bị cáo V và bị đơn dân sự Công ty TNHH H đồng ý với bản án sơ thẩm và không chấp nhận kháng cáo của đại diện ủy quyền của Bà T, bà L, bà L1, ông S, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm là có cơ sở nên được chấp nhận.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là có cơ sở được chấp nhận.

Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án phí hình sự phúc thẩm: Những người đại diện hợp pháp của bị hại là bà Lê Thị T, bà Lê Kim L, bà Lê Kim L1, ông Lê Thanh S không phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại là bà Lê Thị T, bà Lê Kim L, bà Lê Kim L1, ông Lê Thanh S; giữ nguyên Bản

án hình sự sơ thẩm số 153/2017/HS-ST ngày 27/10/2017 của Tòa án nhân dân thị xã B.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 202; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Bùi Quang V 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”, thời hạn tù tính từ ngày 06/3/2017.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; áp dụng các Điều 584, 589, 591 và 601 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc Công ty TNHH H phải bồi thường cho bà Lê Thị T, Ông Lê Thanh P, bà Lê Kim L, bà Lê Kim L1 và ông Lê Thanh S số tiền 500.049.970 đồng (năm trăm triệu không trăm bốn mươi chín nghìn chín trăm bảy mươi đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực thi hành và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi bằng mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Người đại diện hợp pháp của người bị hại là bà Lê Thị T, bà Lê Kim L, bà Lê Kim L1, ông Lê Thanh S không phải nộp.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BD;
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD;
- TAND tx B;
- VKSND tx B;
- Chi cục THADS tx B;
- Công an tx B;
- Bị cáo;
- NĐDHDP của bị hại;
- Tổ HCTP;
- Sở Tư pháp tỉnh BD;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Huỳnh Đức

